

Mã số mẫu/ Sample Code:
00827.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tại nhà máy)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/08/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/8/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,08 (22,2°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,36	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,6	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Permanganat (*)	mg/L	0,48	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

**PHÓ GIÁM ĐỐC
Hà Tấn Vinh**

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00828.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (Công đoàn KCN Trà Nóc)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/08/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/8/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,11 (23,8°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,37	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD =0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Permanganat (*)	mg/L	0,32	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00829.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (Nguyễn Chí Thanh, p. Thới An Đông)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/08/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/8/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,09 (21,9°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,43	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
Hà Tấn Vinh**

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00830.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (Trương Văn Điển, p. Phước Thới)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/08/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/8/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,11 (21,8°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,42	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD =0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

**PHÓ GIÁM ĐỐC
Hà Tấn Vinh**

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00841.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN
2. Địa chỉ/ Address : Kim Đồng, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tại nhà máy)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/08/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/8/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,18 (20,8°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,34	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD =0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:
00842.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

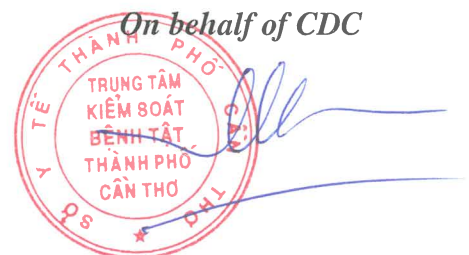
1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN
2. Địa chỉ/ Address : Kim Đồng, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (16 Kim Đồng, p. Ô Môn)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/08/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/8/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,24 (21,5°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,39	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD =0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Permanganat (*)	mg/L	0,32	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Hà Tấn Vinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00843.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN
2. Địa chỉ/ Address : Kim Đồng, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (26/3 p. Ô Môn)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/08/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/8/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,22 (20,5°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,49	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Permanganat (*)	mg/L	1,28	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



PHÓGIÁM ĐỐC
Hà Tấn Vinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:
00844.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC THỚI LAI
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tại trạm)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/08/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/8/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,05 (22,3°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,64	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD =0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00845.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC THỐI LAI
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (xã Thới Lai)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/08/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/8/2025

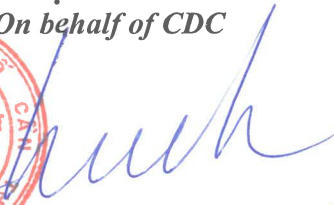
TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	6,97 (20,6°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,49	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD =0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Permanganat (*)	mg/L	1,44	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC




PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00846.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC THỚI LAI
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (ấp Thới Thuận, xã Thới Lai)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/08/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/8/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	6,96 (20,7°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,56	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD =0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Permanganat (*)	mg/L	1,44	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00821.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thanh Hưng, xã Thanh Phú, thành Phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tại nhà máy)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/08/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/8/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	6,83 (20,3°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,23	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Permanganat (*)	mg/L	1,28	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Hà Tấn Vinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00822.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, thành Phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (xã Thạnh Phú)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/08/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/8/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	6,89 (23,0°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,52	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD=0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Permanganat (*)	mg/L	1,28	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



**PHÓGIÁM ĐỐC
Hà Tấn Vinh**

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:
00823.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, thành Phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (xã Cờ Đỏ)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 04/08/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 13/8/2025

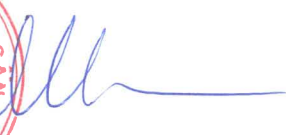
TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	<1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	6,86 (23,4°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,22	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	< 0,003	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
Hà Tấn Vinh**

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"

110733



EP903093006VN

24/06/25



52

Nơi gửi: Trung tâm kiểm soát bệnh tật TP Cần Thơ
Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng
Số 1 Ngô Đức Kế, p Ninh Kiều, tp Cần Thơ

Nơi nhận: 3. Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn
Địa chỉ: KCN Trà Nóc 2, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ
Liên hệ: Chị Nguyệt – 0932862562

KQ KIỂM NGHIỆM

- 1 NMN Cờ Đỏ
- 2 TCN Ô Môn
- 3 TCN Thới Lai
- 4 NMN Trà Nóc